

Bản án số: 339/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Xuân Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương  
Bà Lê Thị Minh Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXX-ST ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị M, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị Phạm Thị M ủy quyền cho anh anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương giao nhận tài liệu với Tòa án. Văn bản ủy quyền ngày 11/10/2024.

**2. Bị đơn:** Anh Vũ Trí H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị M (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận. Năm 2012 chị đi lao động tại Đài Loan, anh H ở nhà làm việc và chăm sóc gia đình. Thời gian đầu khi vợ chồng xa nhau tình cảm vợ chồng vẫn hòa thuận, thường xuyên gọi điện hỏi thăm, tâm sự, chia sẻ cùng nhau. Nhưng lâu dần do khoảng cách xa nên tình

cảm lạnh nhạt dần, những bất đồng quan điểm cũng xảy ra thường xuyên hơn, mỗi lần vợ chồng gọi điện cho nhau là thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên việc gọi điện hỏi thăm nhau thưa dần. Năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Mặc dù đã được các con và hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị H, sinh năm 2001 và cháu Vũ Trí S, sinh năm 2006. Hiện hai con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, bị đơn anh Vũ Trí H trình bày:*

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2012 chị M đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuận vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố lẫn mẹ.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị H, sinh năm 2001 và cháu Vũ Trí S, sinh năm 2006. Hiện hai con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, chị M đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, anh H đang sinh sống tại Việt Nam vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Phạm Thị M, anh Vũ Trí H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: chị M khởi kiện xin ly hôn anh H. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: chị M là nguyên đơn hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, anh H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang.

Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh H.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị M khởi kiện xin ly hôn anh H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh H, Hội đồng xét xử thấy: anh H không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố lẫn mẹ. Tuy nhiên, tại bản tự khai anh H, chị M đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân nhau một thời gian dài, không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó nên Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh H, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M với anh H là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị H, sinh năm 2001 và cháu Vũ Trí S, sinh năm 2006. Hiện hai con đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ: Do chị M, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị M đang cư trú tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng

cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn Anh Vũ Trí H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000258 ngày 04/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phạm Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Trí H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Xuân Lộc**